

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 6 – 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay ấp T2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huỳnh T3, sinh năm 1989; cư trú tại Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Huỳnh T3 chị tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 09/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình cha mẹ chồng tại Ấp 1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T3 nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, không nghe chị giải thích mà còn dùng lời lẽ thiếu tế

nhị làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nên tháng 11/2019, chị mang con về nhà cha mẹ ruột của chị tại ấp T2, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long sống ly thân với anh T3 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T3.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T3 có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Huỳnh Kim T4, sinh ngày 29/5/2016 do chị nuôi dưỡng đến tháng 01/2020 thì anh T3 đến rước con rồi giữ cháu lại không trả. Do cháu T4 là trẻ em gái, trong độ tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ, bản thân chị có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Nên sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T4, không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn bản tự khai ngày 06 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Huỳnh T3 trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân; về con chung, thời gian cháu T4 chung sống với anh và chị T1 khi vợ chồng ly thân; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng không có.

Theo yêu cầu khởi kiện của chị T1:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T1.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Do chị T1 tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ vợ không trở về, cháu T4 được anh chăm sóc từ tháng 01/2020 đến nay, bản thân anh có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Nên sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T4, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm:

- Anh T3 trình bày: Nhận thấy cháu T4 là trẻ em gái, trong độ tuổi còn nhỏ nên người mẹ chăm sóc là phù hợp. Anh đồng ý giao cháu T4 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị T1 trình bày: Không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T1 và anh T3 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc anh T3 ghen tuông vô cớ dẫn đến mất hạnh phúc. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1, anh T3 cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thống nhất ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh T3.

[4] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*: Xét cháu T4 là trẻ em gái, còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ để phát triển về tâm sinh lý trẻ em gái. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T3 đồng ý giao cháu T4 cho chị T1 nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T4 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con, anh T3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T1 và anh Nguyễn Huỳnh T3.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Buộc anh Nguyễn Huỳnh T3 giao cháu Nguyễn Huỳnh Kim T4, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Ngọc T1 không yêu cầu anh Nguyễn Huỳnh T3 phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Huỳnh T3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N0010075 ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Thị Ngọc T1, anh Nguyễn Huỳnh T3. Báo cho chị T1, anh T3 biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân